TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 - ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2026/HS-ST
Ngày: 09-01-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Phước Tâm

2. Ông Võ Chí Sĩ

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trọng Nhân là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Sang và bà Phạm Thị Kim N - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 01 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Đồng Tháp, Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 39/2025/TLST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2025/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa 42/2025/HSST-QĐ ngày 25 tháng 12 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Hữu V,** sinh năm 2000 tại Đồng Tháp; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ B, Khóm A, phường M, tỉnh Đồng Tháp (địa chỉ trước khi sáp nhập là Tổ B, Ấp A, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 04/12; Con ông Trần Văn G (đã chết) và bà Trần Thị T, sinh năm 1967; Vợ con chưa có; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là lớn nhất trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không có; Nhân thân: Ngày 09/10/2019, bị Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Tháp) tuyên phạt 01 năm tù giam về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 84/2019/HS-ST ngày 09/10/2019, chấp hành án phạt tù xong ngày 29/4/2020, về trách nhiệm dân sự của Trần Hữu V trong bản án là không có, về án phí hình sự bị cáo V được miễn

án phí hình sự sơ thẩm; Tạm giữ, tạm giam: Không có; Bị cáo tại ngoại. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Bị hại:

1. Trần Hữu N1, sinh năm 1997; Địa chỉ: Tổ B, Khóm A, phường M, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

2. Phan Thị Việt H, sinh năm 1993; Địa chỉ: Số B, đường B, ấp M, xã M, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Trần Thị T, sinh năm 1967; Địa chỉ: Tổ B, Khóm A, phường M, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

Người làm chứng:

Trần Phú T1, sinh năm 2006; Địa chỉ: Tổ B, Khóm A, phường M, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Trần Hữu V bị Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Đồng Tháp truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 01 giờ 30 phút ngày 23/5/2025, bị cáo Trần Hữu V đi bộ trên đường thuộc khóm A, Phường M, tỉnh Đồng Tháp để tìm tài sản trộm cắp. Đến khoảng 04 giờ cùng ngày, bị cáo V phát hiện nhà của ông Trần Hữu N1, sinh năm 1997, nơi thường trú: Khóm A, phường M, tỉnh Đồng Tháp không có người ở nhà, cửa rào không khóa nên V đã lén lút đột nhập vào trong nhà lấy trộm 01 đồng hồ đeo tay có nhiều màu sắc, dây đeo màu đen rồi đi về phòng trọ của mình thuê thuộc Tổ B, Khóm A, phường M, tỉnh Đồng Tháp và cất giấu chiếc đồng hồ lúc này không có Trần Phú T1 (là em trai của V) ở phòng trọ. Đến ngày 18/6/2025, ông N1 đến Công an xã M (nay là Công an Phường M) để trình báo sự việc bị mất trộm cái đồng hồ.

Ngày 18/6/2025, Công an Phường M đã đến kiểm tra hành chính Phòng trọ tại Khóm A, Phường M, tỉnh Đồng Tháp do V và T1 (em ruột của V) đang thuê để ở thì phát hiện chiếc đồng hồ đeo tay nhãn hiệu SEVENFRIDAY là tài sản bị mất trộm của bị hại N1. Khi lực lượng Công an kiểm tra thì T1 (em ruột của V) đang ở Phòng trọ mới biết có chiếc đồng hồ ở phòng trọ nên T1 đã giao nộp cho lực lượng Công an, đồng thời giao nộp 5,2 kg vỏ dây điện nghi ngờ liên quan đến vụ trộm cắp tài sản khác. Qua mời làm việc Trần Hữu V thừa nhận hành vi trộm cắp chiếc đồng hồ tại nhà ông Trần Hữu N1. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành cho bị cáo V và bị hại Trần Hữu N1 nhận dạng chiếc đồng hồ thu giữ tại phòng trọ, xác định đúng là chiếc đồng hồ mà bị hại N1 bị mất trộm.

Tại Kết luận định giá tài sản số 860/KL-HĐĐGTS ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng định giá tài sản cấp Tỉnh, kết luận: 01 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu SEVENFRIDAY, dây cao su màu đen, mặt viền màu hồng, đen đã qua sử dụng có giá là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trao lại chiếc đồng hồ cho bị hại Trần Hữu N1, bị hại N1 không có yêu cầu gì thêm.

Ngoài ra bị cáo Trần Hữu V khai nhận còn thực hiện một vụ trộm khác, vào khoảng 21 giờ ngày 15/6/2025, bị cáo V một mình đi bộ trên đường tìm dây điện thắp sáng của những hộ dân để lấy trộm thì V phát hiện có đoạn dây điện nối vào khu vườn thuộc Tổ A, Khóm B, phường M, tỉnh Đồng Tháp của bà Phan Thị Việt H, sinh năm 1993, nơi đăng ký thường trú: ấp M, xã M, tỉnh Đồng Tháp nên V lén lút dùng kiềm đã chuẩn bị sẵn, leo lên cột điện cắt đoạn dây điện dài 70m nhãn hiệu Duplex 6.0 (lõi đồng). Bị cáo V mang dây điện trộm được về nhà, dùng kéo để tách lớp vỏ dây điện đem đi bỏ, phần lõi còn lại bán cho người phụ nữ mua bán phế liệu ở ngoài đường (không biết thông tin họ tên, địa chỉ cụ thể) được số tiền là 1.300.000 đồng (Một triệu ba trăm nghìn đồng), số tiền này V đã tiêu xài cá nhân hết. Cơ quan điều tra đã truy tìm đối với số vỏ dây điện bị vứt vỏ và cây kiềm mà bị cáo sử dụng để cắt dây điện nhưng không tìm được.

Tại Kết luận định giá tài sản số 1680/KL-HĐĐGTS ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng định giá tài sản cấp Tỉnh, kết luận: 70 m dây điện nhãn hiệu Duplex 6.0 (lõi đồng) có giá là 2.111.690 đồng (Hai triệu, một trăm mười một nghìn, sáu trăm chín mươi đồng).

Bà Trần Thị T, sinh năm 1967, thường trú tại Khóm A, Phường M, tỉnh Đồng Tháp là mẹ ruột bị cáo V đã tự nguyện bồi thường thay bị cáo V số tiền là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho bị hại Phan Thị Việt H, bà H không có yêu cầu gì thêm. Bà T cũng không yêu cầu bị cáo V trả lại số tiền mà bà T đã bồi thường thay cho bị cáo V.

Đối với 5,2 kg vỏ nhựa dây điện Cơ quan điều tra đã thu giữ tại phòng trọ của bị cáo V, bị cáo V khai do bị cáo nhặt được nên Cơ quan điều tra đã Thông báo tìm có ai bị mất trộm dây điện không nhưng không có người trình báo nên Cơ quan điều tra đã trao trả số vỏ nhựa này cho bị cáo.

Trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành thẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, vật chứng thu giữ, cùng các chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án

Tại Cáo trạng số 04/CT-VKSKV9 ngày 03/11/2025 Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 đã truy tố bị cáo Trần Hữu V về tội "Trộm cắp tài sản"; tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo, đồng thời đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

- Về tội danh: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 tuyên bố bị cáo Trần Hữu V phạm tội " Trộm cắp tài sản".

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Hữu V với mức án từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Các bị hai không có yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét.

Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong nên không xem xét.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T trình bày: Đối với số tiền 2.000.000 đồng bà T đã thay mặt bị cáo bồi thường cho bị hại bà Phan Thị Việt H thì bà D không có yêu cầu bị cáo trả lại.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không tranh luận, đối đáp gì. Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát Khu vực 9, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra, truy tố, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, mọi hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Trần Hữu V thừa nhận hành vi phạm tội được mô tả trong bản cáo trạng số 04/CT-VKSKV9 ngày 03/11/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Đồng Tháp là đúng với hành vi của bị cáo.

Vào khoảng 04 giờ 00 phút ngày 23/5/2025 tại Khóm A, phường M, tỉnh Đồng Tháp, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu nên đã lén lúc lấy trộm một cái đồng hồ qua định giá là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) của ông Trần Hữu N1. Đến khoảng 21 giờ ngày 15/6/2025, bị cáo V lén lút

lấy trộm 70 mét dây điện nhãn hiệu Duplex (lõi đồng) tại vườn thuộc Khóm B, phường M, tỉnh Đồng Tháp của bị hại Phan Thị Việt H qua định giá là 2.111.690 đồng (Hai triệu, một trăm mười một nghìn, sáu trăm chín mươi đồng). Tổng giá trị tài sản mà bị cáo lấy trộm là 5.111.690 đồng (Năm triệu, một trăm mười một nghìn, sáu trăm chín mươi đồng)

Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Với những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử kết luận, hành vi phạm tội của bị cáo Trần Hữu V đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

..."

[3] Xét hành vi của bị cáo Trần Hữu V, khi thực hiện tội phạm, bị cáo là người đã thành niên, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình và có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định. Tại phiên tòa, bị cáo còn khai rằng biết hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì lòng tham mà bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội như đã nêu trên, chứng tỏ hành vi phạm tội của bị cáo là cố ý và tội phạm đã hoàn thành. Về nhận thức bị cáo biết hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương nơi xảy ra vụ án. Bản thân bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị xét xử về tội trộm cắp tài sản nhưng không lấy đó làm bài học để cải sửa bản thân, tôn trọng pháp luật mà vẫn tiếp tục vi phạm pháp luật. Do vậy, đối với bị cáo cần phải áp dụng mức hình phạt thật nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành một công dân tốt, có ý thức chấp hành pháp luật, đồng thời có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Do bị cáo Trần Hữu V 02 lần thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt chiếm đoạt tài sản của người khác, cả 02

lần chiếm đoạt giá trị tài sản điều đủ định lượng cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" nên bị cáo phải chịu tình tiết tặng nặng phạm tội nhiều lần đây là tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Trần Hữu V đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường thiệt hại và tự thú về hành vi phạm tội, bị hại Phan Thị Việt H có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đây là những tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 khi lượng hình cần áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo và bị hại Phan Thị Việt H1 thỏa thuận bồi thường khắc phục hậu quả số tiền 2.000.000 đồng. Bà Trần Thị T là mẹ của bị cáo cùng bị cáo đã bồi thường, khắc phục cho bà Việt H số tiền này xong. Ông Trần Hữu N1 và bà Phan Thị Việt H không còn yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

Bà Trần Thị T không có yêu cầu bị cáo trả lại số tiền mà bà T đã cho bị cáo V bồi thường khắc phục hậu quả nên Hội đồng xét xử không xem xét, khi nào bà T có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[8] Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong nên không xem xét

[9] Về án phí: Căn cứ quy định khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Trần Hữu V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[10] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Đồng Tháp về tội danh, điều luật truy tố và các vấn đề khác là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố bị cáo **Trần Hữu V** phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Xử phạt: Bị cáo Trần Hữu V 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong, Không đặt ra xem xét.

4. Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong nên không xem xét.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Bị cáo Trần Hữu V phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND Khu vực 9;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Đồng Tháp;
- CQTHAHS Công an tỉnh Đồng Tháp;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VPTA & hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Võ Thị Kim Hoa